

Bản án số: 321 /2022/DS-PT

Ngày: 19 / 12 /2022

V/v tranh chấp "Hợp đồng đặt cọc"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Nhân

*Các Thẩm phán:*

Bà Lê Thị Hồng Tâm

Bà Nguyễn Ái Đoan

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: "Hợp đồng đặt cọc".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 211/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 312/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

1.1 Ông Lê Tấn A, sinh năm 1959;

1.2 Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: ấp AG, xã Thạnh C, huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Hoàng C, sinh năm 1991.  
Địa chỉ: ấp AB, xã AC, huyện AD, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch E, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp Bình An, xã Vĩnh Hựu, huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Đỗ Thị Thu D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: AE, huyện AA, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

*3. Người kháng cáo:* Nguyên đơn Lê Tấn A.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Theo đơn khởi kiện, và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 24/5/2021, chị Nguyễn Thị Bạch E và ông Lê Tấn A bà Nguyễn Thị Thu B có thỏa thuận giao dịch đặt cọc. Nội dung ông A, bà B đã nhận tiền đặt cọc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) của chị Nguyễn Thị Bạch E, mục đích để đảm bảo ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 2.000m<sup>2</sup> đất cây lâu năm, thửa số 402, tờ bản đồ số 14 tại ấp Tân Thuận, xã Thạnh C. Hai bên cam kết trong thời hạn 40 ngày (kể từ ngày 24/5/2021) bên chuyển nhượng liên hệ cơ quan có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất, đo đạc tách thửa và hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng theo quy định pháp luật. Theo nội dung hợp đồng, hai bên thỏa thuận nếu chị E không chịu mua đất thì chị E bị mất tiền cọc, còn nếu ông A, bà B không bán nữa thì phải chịu đền gấp 03 (ba) lần tiền đã đặt cọc.

Ngày 28/6/2021, bà B đã ký hợp đồng đo đạc với chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện AA để đo đạc thửa đất. Do dịch covid 19 nên không tiến hành đo đạc và thực hiện ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất trong thời hạn 40 ngày được. Đến ngày 04/10/2021 hai bên phát sinh tranh chấp, bà B, ông A nộp đơn ra Ủy ban nhân dân xã AF để yêu cầu giải quyết. Ngày 29/10/2021, Ủy ban xã hòa giải không thành, hai bên không thống nhất việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất.

Ông A, bà B khởi kiện:

- Yêu cầu chị Nguyễn Thị Bạch E tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 402, tờ bản đồ số 14 theo trình tự, thủ tục nhà nước quy định. Nếu chị E không tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thì chị E bị mất 200.000.000 đồng tiền đặt cọc.

- Yêu cầu chị Nguyễn Thị Bạch E trả lại cho ông Lê Tấn A, bà Nguyễn Thị Thu B 01 (một) Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H05620 đối với thửa số 402, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.972,3m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện AA cấp vào tháng 7/2009 cho ông Lê Tấn A và bà Nguyễn Thị Thu B đứng tên.

**\*Tại phiên tòa sơ thẩm:** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu Hủy hợp đồng đặt cọc ngày 24/5/2021 giữa ông Lê Tấn A, bà Nguyễn Thị Thu B với chị Nguyễn Thị Bạch E.

- Yêu cầu chị Nguyễn Thị Bạch E trả lại 01 (một) Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05620, đối với thửa đất số 402, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.972,3m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp AG, xã Thạnh C, huyện AA, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện AA cấp vào tháng 7/2009 do ông Lê Tấn A và bà Nguyễn Thị Thu B đứng tên.

- Chị E bị mất 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền đặt cọc

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì bà B, ông A không đồng ý do dịch

bệnh nên không thực hiện được.

**\* Đại diện theo ủy quyền bị đơn trình bày:**

Vào ngày 24/5/2021, ông Lê Tấn A và bà Nguyễn Thị Thu B có thỏa thuận hợp đồng đặt cọc với chị Nguyễn Thị Bạch E. Hai bên thỏa thuận chị E sẽ đưa cho ông A, bà B 200.000.000 đồng tiền cọc, thời hạn đặt cọc là 40 ngày kể từ ngày 24/5/2021, khi bà B, ông A sẽ tiến hành các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang cây lâu năm, đo đạc, tách thửa xong, hai bên tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất một phần của thửa đất số 402 (diện tích nguyên thửa là 1.972,3m<sup>2</sup>) tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp AG, xã Thạnh C, huyện AA, tỉnh Tiền Giang với giá là 800.000.000 đồng/1000m<sup>2</sup>. Quá thời hạn 40 ngày (bốn mươi ngày), nếu ông A và bà B không hoàn thành thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất và ký kết hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ nêu trên cho chị E thì ông A, bà B phải bồi thường 03 (ba) lần tiền cọc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), nếu chị E không mua khi ông A, bà B thực hiện đúng hợp đồng đặt cọc thì bị mất tiền cọc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Từ ngày 24/5/2021 đến thời điểm phát sinh tranh chấp (trừ những ngày giãn cách xã hội theo chỉ thị 15 và 16) thì ông A và bà B đã quá hạn trong hợp đồng đặt cọc, bà B và ông A là chủ sử dụng đất không có làm thủ tục chuyển mục đích cây lâu năm, không hoàn tất đo đạc tách thửa.

Chị E có yêu cầu phản tố buộc ông A, bà B liên đới bồi thường cho chị E 03 (ba) lần số tiền cọc với số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) yêu cầu một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền bị đơn chị D trình bày: Xin thay đổi yêu cầu phản tố không yêu cầu ông A, bà B trả số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) bồi thường tiền cọc, yêu cầu ông A, bà B trả số tiền cọc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và số tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tính từ ngày 24/5/2021 đến ngày xét xử 25/7/2022 với thời gian là 14 tháng 01 ngày, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 23.295.000 đồng (hai mươi ba triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng), yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 211/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 328, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- **Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn A, bà Nguyễn Thị Thu B.** Hủy hợp đồng đặt cọc ngày 24/5/2021 giữa ông Lê Tấn A, bà Nguyễn Thị Thu B với chị Nguyễn Thị Bạch E.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Bạch E.

Buộc ông Lê Tấn A và bà Nguyễn Thị Thu B có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Bạch E số tiền là 223.295.000 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng, trong đó có 200.000.000 đồng tiền cọc và số tiền lãi là 23.295.000 đồng).

Chị Nguyễn Thị Bạch E có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Tấn A, bà Nguyễn Thị Thu B 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05620, đối với thửa đất số 402, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.972,3m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp AG, xã Thạnh C, huyện AA, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện AA cấp vào tháng 7/2009 cho ông Lê Tấn A và bà Nguyễn Thị Thu B đứng tên khi ông A, bà B trả xong tiền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

- Ngày 08/9/2022, ông Lê Tấn A có đơn kháng cáo **một phần** bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Đại diện Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Bạch E, buộc ông Lê Tấn A, bà Nguyễn Thị Thu B trả cho chị Nguyễn Thị Bạch E số tiền 200.000.000 đồng tiền cọc là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Đối với số tiền lãi, Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bị đơn, đồng ý tính lãi từ ngày phát sinh tranh chấp là 29/10/2021, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tấn A. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án

nhân dân huyện AA về tiền lãi.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo do ông Lê Tấn A nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: “hợp đồng đặt cọc” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tấn A, Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tấn A về việc không đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Bạch E số tiền là 223.295.000 đồng (trong đó có 200.000.000 đồng tiền cọc và số tiền lãi là 23.295.000 đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Xét nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất ngày 24/5/2021, chị Nguyễn Thị Bạch E và ông Lê Tấn A bà Nguyễn Thị Thu B có thỏa thuận giao dịch đặt cọc. Nội dung ông A, bà B đã nhận tiền đặt cọc 200.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Bạch E, mục đích để đảm bảo ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thửa số 402, tờ bản đồ số 14, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông A, bà B. Theo thỏa thuận hợp đồng đặt cọc thời hạn thực hiện là 40 ngày, quá thời hạn nếu ông A và bà B không ký kết hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ nêu trên cho chị E thì ông A, bà B phải bồi thường 03 (ba) lần tiền cọc là 600.000.000 đồng, nếu chị E không mua khi ông A, bà B thực hiện đúng hợp đồng đặt cọc thì bị mất tiền cọc là 200.000.000 đồng. Do vậy căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định tình tiết nêu trên là sự thật, không phải chứng minh.

- Xét hợp đồng đặt cọc ngày 24/5/2021 giữa ông A, bà B và bà E các bên tham gia giao dịch đặt cọc có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 117 và Điều 328 Bộ luật dân sự, xác định Hợp đồng đặt cọc nêu trên có hiệu lực pháp luật từ thời điểm giao kết.

- Xét sau khi nhận tiền cọc, ngày 28/6/2021 bà B đã ký kết hợp đồng đo đạc diện tích thửa đất trên với chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện AA, hẹn trong thời gian 07 (bảy) ngày sẽ tiến hành đo đạc nhưng hết thời hạn bà B có liên hệ với chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tiến hành đo đạc nhưng lại hẹn 07 (bảy) ngày sẽ thực hiện. Tuy nhiên do dịch bệnh covid 19, tỉnh Tiền Giang thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 15, chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ nên không thể tiến hành đo đạc được. Do vậy quá thời hạn 40 ngày kể từ ngày 24/5/2021, hai bên không thể tiến hành ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất được theo thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc là do sự kiện bất khả kháng, không do lỗi của các bên.

- Xét tại phiên tòa sơ thẩm, hai bên thống nhất yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc ngày 24/5/2021 giữa ông Lê Tấn A, bà Nguyễn Thị Thu B với chị Nguyễn Thị Bạch E. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng đặt cọc ngày 24/5/2021 giữa ông Lê Tấn A, bà Nguyễn Thị Thu B với chị Nguyễn Thị Bạch E là đúng quy định.

- Về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng: Căn cứ Điều 427 Bộ luật dân sự, khi hợp đồng bị hủy bỏ thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do đó cấp sơ thẩm buộc ông Lê Tấn A và bà Nguyễn Thị Thu B có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Bạch E số tiền đặt cọc 200.000.000đồng và chị Nguyễn Thị Bạch E có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Tấn A, bà Nguyễn Thị Thu B 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05620 do Ủy ban nhân dân huyện AA cấp vào tháng 7/2009 cho ông Lê Tấn A và bà Nguyễn Thị Thu B đứng tên là có căn cứ.

- Xét số tiền lãi Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông A, bà B phải trả cho bà E tính từ ngày giao kết hợp đồng 24/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/7/2022, theo mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 23.295.000đồng là không phù hợp. Bởi lẽ, kể từ ngày phát sinh tranh chấp, 29/10/2021 Ủy ban nhân xã AF hòa giải các bên không thống nhất việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Chị E yêu cầu ông A, bà B trả lại cho chị 200.000.000đồng nhưng ông bà không thực hiện nên phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày 30/10/2021. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn đồng ý tính lãi kể từ ngày phát sinh tranh 30/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/7/2022 (08 tháng 25 ngày) thành tiền 14.663.000đồng là phù hợp. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tấn A có căn cứ chấp nhận một phần. Do vậy, HĐXX sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm buộc ông A, bà B phải trả cho bà E 200.000.000đồng tiền đặt cọc và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 14.663.000đồng, tổng cộng là 214.663.000đồng.

[4] Về án phí:

Do kháng cáo của ông Lê Tấn A được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, ông A không phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

Ông Lê Tấn A là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên ông Lê Tấn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu B phải chịu án phí DSST đối với ½ số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Bạch E không phải chịu án phí DSST nên hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Bạch E số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Tấn A.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 211/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

- Áp dụng Điều 328, Điều 357, Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn A, bà Nguyễn Thị Thu B.

Hủy hợp đồng đặt cọc ngày 24/5/2021 giữa ông Lê Tấn A, bà Nguyễn Thị Thu B với chị Nguyễn Thị Bạch E.

Buộc chị Nguyễn Thị Bạch E phải trả lại cho ông Lê Tấn A, bà Nguyễn Thị Thu B 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05620, đối với thửa đất số 402, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.972,3m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp AG, xã Thạnh C, huyện AA, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện AA cấp vào tháng 7/2009 cho ông Lê Tấn A và bà Nguyễn Thị Thu B đứng tên khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Bạch E.

Buộc ông Lê Tấn A và bà Nguyễn Thị Thu B có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Bạch E số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền đặt cọc và 14.663.000 đồng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, tổng cộng là 214.663.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

### **3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Tấn A.

Bà Nguyễn Thị Thu B phải chịu số tiền là 5.366.000 đồng (năm triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Ông A, bà B đã nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005861 ngày 21/12/2021 và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006218 ngày 24/5/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện AA, được cản trừ nên bà B còn phải nộp tiếp số tiền là 366.000 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Bạch E số tiền 14.000.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006181 ngày 09/5/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện AA.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện AA;
- Chi cục THADS huyện AA;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Nhân**